

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân

2. Ông Thạch Khêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/6/2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1974, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Kim R, sinh năm 1972, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Vào năm 1994, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với Kim R và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/12/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Kim Văn P, sinh ngày 01/10/1994 và Kim Văn V, sinh ngày 29/8/1998 đều đã thành niên và sống tự lập.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh Kim R không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ biết ăn chơi, bỏ mặt con cái trong gia đình không quan tâm lo lắng, vợ chồng hay cự cãi làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Đến tháng 01/2013, anh Kim R đã tự ý bỏ nhà đi, chị đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức. Đến ngày 03/10/2017, chị có làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Kim R mất tích. Đến ngày 23/4/2018, Tòa án đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 04/2018/QĐGQ – VDS, tuyên bố anh Kim R mất tích.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Kim R.

- Về con chung: Kim Văn P, sinh ngày 01/10/1994 và Kim Văn V, sinh ngày 29/8/1998 đều đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 02 (Hai) giấy khai sinh (Bản sao); 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản chính); 01 (Một) Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2018/QĐGQ – VDS, ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Đối với bị đơn anh Kim R: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập họp lệ cho anh R nhưng anh R không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh R được và anh R cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Vắng mặt khi Tòa án triệu tập).

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Kim R đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay và anh Kim R đã được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần tuyên bố mất tích đúng theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh R. Về con chung: Kim Văn P, sinh ngày 01/10/1994 và Kim Văn V, sinh ngày 29/8/1998 đã thành niên nên không

đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị Trần Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn anh Kim R đã được Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 04/2018/QĐGQ –VDS, ngày 23/4/2018 và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Kim R xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/12/2002 theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định giữa chị và anh R không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, anh R đã bỏ đi biệt tích từ năm 2013 cho đến nay, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian từ năm 2013 cho đến nay anh R không về tìm chị, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh R đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Anh Kim R đã được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc dân sự “*Tuyên bố anh Kim R mất tích*” đúng theo quy định và chị H có yêu cầu được ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Kim R.

[3] Về con chung: Kim Văn P, sinh ngày 01/10/1994 và Kim Văn V, sinh ngày 29/8/1998 đều đã thành niên và sống tự lập chị H không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H khai chị và anh Kim R không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Kim R để biết ý kiến của anh như thế nào về tài sản chung và anh R có tranh chấp về tài sản chung với chị H hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Kim R có tranh chấp về tài sản chung với chị H thì anh R được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Trần Thị H.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H; Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Kim R.

2. Về con chung: Kim Văn P, sinh ngày 01/10/1994 và Kim Văn V, sinh ngày 29/8/1998 đều đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Kim R có tranh chấp về tài sản thì anh Kim R được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Trần Thị H.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017815, ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Kim R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Kim R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

